

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ

-----\*\*\*-----

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## TOÀN CÔNG TY

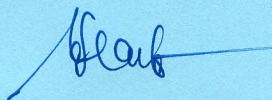
### Quý 3 năm 2010

TP.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



  
Lê Thị Thúy Hằng

  
Hồ Khả Thịnh

  
Bùi Tuấn Anh



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>140,023,436,003</b>	<b>196,650,555,167</b>
<b>I</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>57,960,865,447</b>	<b>42,270,291,351</b>
1	Tiền mặt tại quỹ (TK 111)		6,651,496,778	1,482,516,701
2	Tiền gửi ngân hàng (TK112)		51,309,368,669	40,787,774,650
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>6,033,742,209</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	0	6,033,742,209
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>45,398,592,351</b>	<b>59,315,408,045</b>
1	Phải thu khách hàng (TK 131)	131	36,288,918,663	17,940,256,020
2	Trả trước cho người bán (TK 331)	132	3,718,143,994	1,965,006,378
3	Phải thu nội bộ (TK 136)	133	0	0
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x.dựng	134	0	34,795,559,653
5	Các khoản phải thu khác	135	5,819,580,194	4,942,636,494
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (TK 139) (*)	139	(428,050,500)	(328,050,500)
<b>IV</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>24,394,299,626</b>	<b>78,787,606,953</b>
1	Hàng tồn kho	141	24,394,299,626	78,787,606,953
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159) (*)	149		
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>12,269,678,579</b>	<b>10,243,506,609</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	553,286,603	403,421,120
2	Thuế GTGT được khấu trừ (TK133)	152	167,398,056	3,287,711,217
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	11,548,993,920	6,552,374,272
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>80,778,982,895</b>	<b>42,144,618,117</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	<b>(100,000,000)</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	
2	Phải thu nội bộ dài hạn	213	0	
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>12,248,608,003</b>	<b>10,009,737,200</b>
1	Tài sản cố định hữu hình (TK 211)	221	8,342,783,858	7,444,736,087
a	Nguyên giá (TK 211)	222	32,817,116,055	30,205,608,545
b	Giá trị hao mòn lũy kế (2141)	223	(24,474,332,197)	(22,760,872,458)
2	Tài sản cố định vô hình (TK 213)	227	3,852,569,145	2,511,746,113
a	Nguyên giá (TK 213)	228	5,692,031,388	3,915,849,384
b	Giá trị hao mòn lũy kế (2143)	229	(1,839,462,243)	(1,404,103,271)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)	230	53,255,000	53,255,000
<b>III</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>61,829,232,547</b>	<b>27,611,394,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (TK 222)	252	0	
3	Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	258	61,829,232,547	27,611,394,000
<b>IV</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>6,701,142,345</b>	<b>4,623,486,917</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	2,115,460,699	1,297,738,233
2	Tài sản dài hạn khác	268	4,585,681,646	3,325,748,684
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>	<b>220,802,418,898</b>	<b>238,795,173,284</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

	NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>116,995,834,977</b>	<b>137,923,218,193</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>111,897,612,007</b>	<b>132,790,483,122</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn (TK 311)	311	23,377,757,289	0
2	Phải trả cho người bán (TK 331)	312	22,617,521,130	22,088,541,894
3	Người mua trả tiền trước	313	75,233,838,041	42,240,999,370
	- Người mua trả tiền trước (TK 131)		41,069,435,842	24,261,009,797
	- Doanh thu ứng trước (TK 3387)		34,164,402,199	17,979,989,573
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)	314	3,032,001,324	3,061,214,222
5	Phải trả công nhân viên (TK 334)	315	15,169,470,162	19,636,971,829
6	Chi phí phải trả (TK 335)	316	66,589,448,198	17,933,312,181
7	Phải trả nội bộ (TK 336)	317		0
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xdựng (TK 337)	318	(130,481,066,671)	
9	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)		127,050,000	127,050,000
10	Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338)	319	21,114,491,391	19,224,124,928
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	11,578,107,429	6,695,195,873
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	3,538,993,714	1,783,072,825
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>5,098,222,970</b>	<b>5,132,735,071</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	321	0	
2	Phải trả dài hạn khác	323	10,000,000	10,000,000
3	Vay và nợ dài hạn		5,000,000,000	5,000,000,000
4	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	88,222,970	122,735,071
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>103,806,583,921</b>	<b>100,871,955,091</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>103,806,583,921</b>	<b>100,871,955,091</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (TK 411)	411	80,000,000,000	80,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	353,718,415	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	413	1,600,295,812	1,600,295,812
3	Cổ phiếu quỹ	414	0	(1,223,963,195)
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 413)	416	0	(29,507,454)
5	Quỹ đầu tư phát triển (TK 414)	417	4,750,644,717	3,246,474,232
6	Quỹ dự phòng tài chính (TK 415)	418	3,741,121,322	2,236,950,837
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	0	
8	Lợi nhuận chưa phân phối (TK 421)	420	13,360,803,655	15,041,704,859
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>	<b>220,802,418,898</b>	<b>238,795,173,284</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thúy Hằng

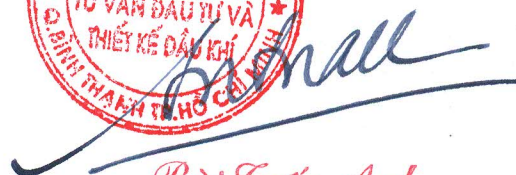
Kế toán trưởng



Hồ Khả Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2010

Tổng giám đốc

Bùi Tuấn Anh



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế 9 tháng đầu năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ</b>	<b>01</b>	<b>109,956,982,376</b>	<b>92,542,660,472</b>	<b>285,590,521,528</b>	<b>215,173,057,963</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	0	6,103,870	0	6,103,870
- Chiết khấu thương mại			0		0
- Giảm giá hàng bán		0	6,103,870	0	6,103,870
- Hàng bán bị trả lại			0		0
<b>3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>109,956,982,376</b>	<b>92,536,556,602</b>	<b>285,590,521,528</b>	<b>215,166,954,093</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	97,198,124,823	82,207,726,992	248,060,661,594	186,003,633,035
<b>5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>12,758,857,553</b>	<b>10,328,829,610</b>	<b>37,529,859,934</b>	<b>29,163,321,058</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>257,405,382</b>	<b>1,338,339,158</b>	<b>2,380,421,321</b>	<b>2,802,627,043</b>
Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá		0	654,261,523	935,514,540	1,809,196,404
Lãi cổ tức		0		0	33,520,203
Lãi hoạt động tài chính		257,405,382	684,077,635	1,444,906,781	959,910,436
7. Chi phí tài chính	22	608,031,277	552,840,989	610,810,611	1,292,122,538
Trong đó: Chênh lệch tỷ giá		1,321,264	550,653,489	4,100,598	1,289,935,038
Dự phòng giảm giá chứng khoán		0		0	
Chi phí lãi vay		606,710,013	2,187,500	606,710,013	2,187,500
8. Chi phí bán hàng	24	0		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8,473,521,584	6,224,916,599	25,720,764,173	19,641,307,517
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)</b>	<b>30</b>	<b>3,934,710,074</b>	<b>4,889,411,180</b>	<b>13,578,706,471</b>	<b>11,032,518,046</b>
11. Thu nhập khác	31	23,126,157	121,499,494	4,238,151,945	140,662,633
12. Chi phí khác	32	139,662	72,932,000	2,453,542	88,224,538
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>22,986,495</b>	<b>48,567,494</b>	<b>4,235,698,403</b>	<b>52,438,095</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3,957,696,569</b>	<b>4,937,978,674</b>	<b>17,814,404,874</b>	<b>11,084,956,141</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	989,424,142	617,247,334	4,453,601,219	1,385,619,517
<b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>2,968,272,427</b>	<b>4,320,731,340</b>	<b>13,360,803,655</b>	<b>9,699,336,624</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2010

Tổng giám đốc



Lê Thị Thuý Hằng




Bùi Tuấn Anh



**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	9 tháng năm 2010	9 tháng năm 2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>17,814,404,874</b>	<b>11,084,956,141</b>
<b>2. Điều chỉnh các khoản khác</b>		<b>0</b>	
Khấu hao tài sản cố định	02	1,737,706,197	1,223,028,132
Các khoản dự phòng	03	0	100,000,000
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1,444,906,781)	(993,430,639)
Chi phí lãi vay	06	606,710,013	2,187,500
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>18,713,914,303</b>	<b>11,416,741,134</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(88,659,718,809)	(19,842,233,885)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	54,393,307,327	34,242,063,259
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (ko kể lãi vay và thuế TNDN)	11	84,420,005,277	5,595,008,016
(Giảm)/Tăng chi phí trả trước	12	(967,587,949)	(722,025,368)
Tiền lãi vay đã trả	13	(606,710,013)	(2,187,500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,149,188,897)	(1,279,260,118)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9,250,000	536,318,124
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,568,562,789)	(1,985,419,790)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>61,584,708,450</b>	<b>27,959,003,872</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xdựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(4,803,725,783)	(785,104,052)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		216,470,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34,217,838,547)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,444,906,781	993,430,639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(37,576,657,549)</b>	<b>424,796,587</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		45,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã p	32	1,223,963,195	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
6. Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(9,541,440,000)	(4,141,440,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8,317,476,805)</b>	<b>40,858,560,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>15,690,574,096</b>	<b>69,242,360,459</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>42,270,291,351</b>	<b>32,660,629,386</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>57,960,865,447</b>	<b>101,902,989,845</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2010

Tổng giám đốc

Lê Thị Thúy Hằng

Hồ Khả Thịnh

Bùi Tuấn Anh



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. Thông tin khái quát:**

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/9/2010 là 555 người

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán)
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp  $\leq 22\text{KV}$ , kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói EPC).

### **II. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính:**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu:**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**



Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### **Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào cty khác mà Cty chỉ nắm giữ từ 20% trở xuống vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế



**TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ**

*Địa chỉ: Nhà G1, Khách sạn Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh*

---

toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi



**TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ**

*Địa chỉ: Nhà G1, Khách sạn Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh*

---

nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị tính: VND*

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2010	30/09/2009
1.1	Tiền mặt	6,651,496,778	6,963,840,075
1.2	Tiền gửi ngân hàng	51,309,368,669	94,939,149,770
	- Tiền gửi VND	41,109,132,650	89,513,958,261
	- Tiền gửi ngoại tệ	10,200,236,019	5,425,191,509
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	
	<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>57,960,865,447</b>	<b>101,902,989,845</b>

2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/09/2010	30/09/2009
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
	- Đầu tư ngắn hạn khác	0	
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
	<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	30/09/2010	30/09/2009
3.1	Phải thu khách hàng	36,288,918,663	30,357,480,307
3.2	Trả trước cho người bán	3,718,143,994	4,717,648,985
3.3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	
3.4	Phải thu khác	5,819,580,194	5,296,319,813
	- Phải thu cổ phần hóa	319,139,093	319,139,093
	- Phải thu Ban chỉ tồn CPSX	294,150,772	635,992,745
	- Các khoản phải thu khác	5,206,290,329	4,341,187,975
3.5	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(428,050,500)	(2,388,513,358)
	<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>45,398,592,351</b>	<b>37,982,935,747</b>

4.	Hàng tồn kho	30/09/2010	30/09/2009
4.1	Hàng tồn kho	24,394,299,626	61,302,591,353
	- Nguyên vật liệu	63,323,380	57,828,405
	- Công cụ, dụng cụ	267,765,585	130,903,301
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24,063,210,661	61,113,859,647
4.2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	-
	<b>Cộng hàng tồn kho</b>	<b>24,394,299,626</b>	<b>61,302,591,353</b>

5.	Tài sản ngắn hạn khác	30/09/2010	30/09/2009
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	553,286,603	743,664,103
5.2	Các khoản thuế phải thu	167,398,056	2,483,682,848
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	167,398,056	2,483,682,848
	- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	-	-
5.3	Tài sản ngắn hạn khác	11,548,993,920	10,920,327,272



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

	- <i>Tạm ứng</i>	11,343,831,730	10,821,114,215
	- <i>Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	205,162,190	99,213,057
	<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>12,269,678,579</b>	<b>14,147,674,223</b>

<b>6.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Đầu tư vào công ty con	-	-
	- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
	- Đầu tư dài hạn khác	61,829,232,547	
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
	<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>61,829,232,547</b>	<b>-</b>

<b>7.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Chi phí trả trước dài hạn	2,115,460,699	416,108,326
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	- Tài sản dài hạn khác	4,585,681,646	3,325,748,684
	<b>Cộng tài sản dài hạn khác</b>	<b>6,701,142,345</b>	<b>3,741,857,010</b>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ  
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và vô hình

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Nhóm Nhà cửa	Nhóm Máy móc	Nhóm Phương tiện VT	Nhóm Dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình	TSCĐ Vô hình	TỔNG CỘNG
A	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7=5+6
<b>I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>							
1. Số dư đầu kỳ	5,393,779,746	16,193,542,778	4,977,610,601	3,640,675,420	30,205,608,545	3,915,849,384	34,121,457,929
2. Số tăng trong kỳ	3,486,504,463	1,796,531,818	923,142,728	339,219,233	6,545,398,242	1,776,182,004	8,321,580,246
Trong đó: - Mua sắm mới		1,796,531,818	923,142,728	307,869,233	3,027,543,779	1,776,182,004	4,803,725,783
- Điều chuyển	3,486,504,463			31,350,000	3,517,854,463		3,517,854,463
3. Số giảm trong kỳ	3,902,540,732	31,350,000	0	0	3,933,890,732	0	3,933,890,732
Trong đó: - Điều chuyển	3,902,540,732	31,350,000			3,933,890,732		3,933,890,732
4. Số cuối kỳ	4,977,743,477	17,958,724,596	5,900,753,329	3,979,894,653	32,817,116,055	5,692,031,388	38,509,147,443
Trong đó: - Chưa sử dụng					0		0
- Đã hết khấu hao	549,522,480	3,476,302,952	3,056,582,714	1,054,033,120	8,136,441,266	1,164,310,060	9,300,751,326
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>							
1. Số dư đầu kỳ	2,556,052,835	13,425,155,858	4,254,175,382	2,525,488,383	22,760,872,458	1,404,103,271	24,164,975,729
2. Số tăng trong kỳ	1,431,328,043	706,009,443	164,532,492	264,914,087	2,566,784,065	435,358,972	3,002,143,037
Trong đó: - Khấu hao trong kỳ	166,891,203	706,009,443	164,532,492	264,914,087	1,302,347,225	435,358,972	1,737,706,197
- Điều chuyển	1,264,436,840				1,264,436,840		1,264,436,840
3. Giảm trong kỳ	853,324,326	0	0	0	853,324,326	0	853,324,326
Trong đó: - Điều chỉnh đánh giá lại tài sản					0		0
- Điều chuyển	853,324,326				853,324,326		853,324,326
4. Số cuối kỳ	3,134,056,552	14,131,165,301	4,418,707,874	2,790,402,470	24,474,332,197	1,839,462,243	26,313,794,440
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
1- Đầu kỳ	2,837,726,911	2,768,386,920	723,435,219	1,115,187,037	7,444,736,087	2,511,746,113	9,956,482,200
2- Cuối kỳ	1,843,686,925	3,827,559,295	1,482,045,455	1,189,492,183	8,342,783,858	3,852,569,145	12,195,353,003



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

9.	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Vay ngắn hạn ngân hàng		
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

10.	<b>Phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Phải trả người bán	22,617,521,130	17,238,749,881
	- Người mua trả tiền trước	67,913,885,687	59,005,253,187
	<b>Cộng phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>	<b>90,531,406,817</b>	<b>76,244,003,068</b>

11.	<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Thuế GTGT	686,339,497	2,061,117,148
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,746,832,864	617,247,334
	- Thuế thu nhập cá nhân	597,849,763	544,034,698
	- Các loại thuế khác	979,200	979,200
	<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>3,032,001,324</b>	<b>3,223,378,380</b>
	<i>Ghi chú</i> : - Thuế TNDN phải nộp cho nhà nước các đơn vị trực thuộc kết chuyển về Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Dầu Khí để quyết toán chung toàn Công ty.		

12.	<b>Chi phí phải trả</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Chi phí phải trả	73,909,400,552	3,340,182,647
	<b>Cộng</b>	<b>73,909,400,552</b>	<b>3,340,182,647</b>

13.	<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Kinh phí công đoàn	2,067,304,884	1,154,027,966
	- Bảo hiểm xã hội	322,527,701	47,413,591
	- Bảo hiểm y tế	20,577,357	5,844,509
	- Phải trả công ty cổ phần	733,800,000	733,800,000
	- Phải trả phải nộp khác	17,970,281,449	16,126,115,182
	<b>Cộng các khoản phải trả, phải nộp</b>	<b>21,114,491,391</b>	<b>18,067,201,248</b>

14.	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Phải trả dài hạn khác	10,000,000	137,050,000
	- Vay và nợ dài hạn	5,000,000,000	5,000,000,000
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	88,222,970	161,167,705
	<b>Cộng nợ dài hạn</b>	<b>5,098,222,970</b>	<b>5,298,217,705</b>

15.	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>30/09/2009</b>
	- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
	- Chi sự nghiệp	-	-
	- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ  
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2009	35,000,000,000		1,600,295,812	(1,223,963,195)	1,084,091,786	1,304,920,365	9,647,060,389	2,513,000,000	49,925,405,157
- Sử dụng quỹ			(450,000,000)					(2,513,000,000)	(2,963,000,000)
- Trích quỹ trong năm			450,000,000		2,162,382,446	932,030,472	(5,178,864,721)		(1,634,451,803)
- Vốn góp tăng trong năm	45,000,000,000								45,000,000,000
- Nhận nguồn kinh phí									0
- Cổ tức đã trả							(4,141,440,000)		(4,141,440,000)
- Cổ phiếu ngân quỹ									0
- Chênh lệch tỷ giá		(29,507,454)							(29,507,454)
- Lợi nhuận trong năm							14,714,949,191		14,714,949,191
Tại ngày 31/12/2009	80,000,000,000	(29,507,454)	1,600,295,812	(1,223,963,195)	3,246,474,232	2,236,950,837	15,041,704,859	0	100,871,955,091
- Sử dụng quỹ			(450,000,000)						(450,000,000)
- Trích quỹ trong năm			450,000,000		1,504,170,485	1,504,170,485	(5,500,264,859)		(2,041,923,889)
- Vốn góp tăng trong năm									0
- Nhận nguồn kinh phí									0
- Cổ tức đã trả							(9,541,440,000)		(9,541,440,000)
- Cổ phiếu ngân quỹ			353,718,415	1,223,963,195					1,577,681,610
- Chênh lệch tỷ giá		29,507,454							29,507,454
- Lợi nhuận trong năm							13,360,803,655		13,360,803,655
Tại ngày 31/03/2010	80,000,000,000	0	1,954,014,227	0	4,750,644,717	3,741,121,322	13,360,803,655	0	103,806,583,921



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

Các thông tin trong báo cáo KQ kinh doanh		30/09/2010	30/09/2009
17.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	285,590,521,528	215,173,057,963
18.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
19.	Giá vốn hàng bán	248,060,661,594	186,003,633,035
20.	Doanh thu hoạt động tài chính	2,380,421,321	2,769,106,840
21.	Chi phí hoạt động tài chính	610,810,611	1,292,122,538
22.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25,720,764,173	19,641,307,517
23.	Thu nhập khác	4,238,151,945	140,662,633
24.	Chi phí khác	2,453,542	88,224,538

25. Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ		30/09/2010	30/09/2009
	- Tổng lợi nhuận kế toán trước Thuế	17,814,404,874	11,084,956,141
	- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
	+ Các khoản điều chỉnh tăng		
	+ Các khoản điều chỉnh giảm		
	- Tổng thu nhập chịu thuế	17,814,404,874	11,084,956,141
	- Thuế TNDN phải nộp	4,453,601,219	1,385,619,517
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	13,360,803,655	9,699,336,624
	- Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN	-	
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

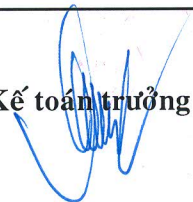
26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		30/09/2010	30/09/2009
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31,724,952,125	37,082,854,692
	+ Nguyên liệu, vật liệu	30,969,827,789	36,258,941,379
	+ Công cụ, dụng cụ	755,124,336	823,913,313
	- Chi phí nhân công	46,551,912,107	44,711,827,498
	+ Chi phí nhân công trực tiếp	15,355,164,170	34,142,653,913
	+ Chi phí nhân viên quản lý	31,196,747,937	10,569,173,585
	- Chi phí khấu hao TSCĐ, ca máy thuê ngoài	3,631,609,237	6,261,057,254
	Trong đó chi phí KH TSCĐ	1,737,706,197	1,223,028,132
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35,668,850,603	42,190,292,845
	- Chi phí bằng tiền	30,823,064,851	16,988,933,955
	<b>Cộng</b>	<b>148,400,388,923</b>	<b>147,234,966,244</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Hồ Khả Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2010

Tổng Giám đốc




Bùi Tuấn Anh